

Bản án số: 50/2024/ HNGĐ - ST

Ngày 28 tháng 11 năm 2024

Về việc: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN – TỈNH LÀO CAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Vũ Thị Hồng Hải.

2, Bà Hà Thị Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Ngọc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên tòa: Bà **Nông Thị Mới** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Tiến hành xét xử công khai sơ thẩm khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2024/TLST- HNGĐ ngày 16/10/2024 về việc: “Ly hôn”. Theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXX ST- HNGĐ ngày 08/11/2024. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Triệu Văn Đ**, sinh năm 1980

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Thôn Th, xã ND, huyện VB, tỉnh LC.

Bị đơn: Bà **Triệu Thị M**, năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Thôn Th, xã ND, huyện VB, tỉnh LC. Các đương sự vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của ông **Triệu Văn Đ** có yêu cầu: Ông và bà **Triệu Thị M** tự nguyện chung sống, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán từ năm 2000. Nhưng không đăng ký kết hôn theo quy Đ. Trong quá trình chung sống hạnh phúc khoảng 19 năm, đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi chửi nhau. Đến cuối năm 2020, ông và bà **M** tự sống ly thân mỗi người một nơi bỏ mặc và không quan tâm nên bà **M** không có thai với ông. Nay xét thấy cuộc sống chung giữa ông và bà **M** không có hạnh phúc, tình cảm không còn, không có cách nào hàn gắn cuộc sống chung với bà **M**. Do vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà **Triệu Thị M**.

Về con: Ông **Triệu Văn Đ** xác Đ, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện. Ông không đề nghị Tòa giải quyết.

Về tài sản: Ông **Triệu Văn Đ** xác Đ, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện. Ông và bà **M** tự thỏa thuận. Không đề nghị Tòa giải quyết.

Về vay nợ: Ông Triệu Văn Đ xác Đ, ông và bà Triệu Thị M không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Ông không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/10/2024 và các ý kiến, quan điểm của bị đơn bà Triệu Thị M trình bày: Quá trình tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ, bà biết nên bà hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của ông Đ về thời gian sống chung và quá trình chung sống. Tuy nhiên, giữa bà và ông Đ không đăng ký kết hôn theo quy Đ. Thời gian chung sống hạnh phúc khoảng 19 năm, đến năm 2020 bắt phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi chửi nhau. Đến cuối năm 2020 bà và ông Đ tự sống ly thân mỗi người một nơi bỏ mặc và không quan tâm nên bà không có thai với ông Đ. Nay xét thấy cuộc sống chung giữa bà và ông Đ không có hạnh phúc, không còn cách nào hàn gắn cuộc sống chung với ông Đ. Nay, bà M đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho bà được ly hôn với ông Triệu Văn Đ.

Về con chung: Bà Triệu Thị M xác định, nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông Đ và giữ nguyên các ý kiến tại bản tự khai ngày 21/10/2024. Do vậy, không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Về tài sản chung: Bà Triệu Thị M xác định, bà và ông Đ tự thỏa thuận. Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Bà Triệu Thị M xác định, bà và ông Đ không vay nợ cơ quan, tổ chức và cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức vay nợ vợ chồng. Bà không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng Dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng Dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa ông Triệu Văn Đ và bà Triệu Thị M

+ Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy Đ của quy Đ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trưng tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về tố tụng: Ông Triệu Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết việc ly hôn giữa ông Triệu Văn Đ với bà Triệu Thị M theo quy Đ tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn **ông Triệu Văn Đ** với **bà Triệu Thị M** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết Đ xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy Đ của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: **ông Triệu Văn Đ** với **bà Triệu Thị M** tự chung sống theo phong tục tập quán từ năm 2000, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được gia đình hai bên đồng ý, nhưng không đăng ký kết hôn. Đến thời điểm **ông** làm đơn khởi kiện xin ly hôn thì **ông Đ** đã có đủ các điều kiện để đăng ký kết hôn theo qui Đ, nhưng **ông Đ** đã không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, việc **ông Đ** chung sống không có đăng ký theo qui Đ là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố mối quan hệ giữa **ông Triệu Văn Đ** với **bà Triệu Thị M** không phải là quan hệ vợ chồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: **Ông Triệu Văn Đ** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: **ông Triệu Văn Đ** với **bà Triệu Thị M** được quyền kháng cáo bản án theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa **ông Triệu Văn Đ và bà Triệu Thị M**.

2. Về án phí: **Ông Triệu Văn Đ** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0004137 ngày 16/10/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. **Bà Triệu Thị M** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND huyện Văn Bàn(2);
- Nguyên đơn: **Ông Triệu Văn Đ** (01).
- Bị đơn: **Bà Triệu Thị M**(01).
- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);
- UBND xã **Nậm Dạng** (1).
- Lưu VP. TAND huyện Văn Bàn(02).
- Lu HS vụ án (02),

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lụa

